

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2018/HS-ST
Ngày: 22-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH SƠN LA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Cường, ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diệp, thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Lò Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 118/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định xét xử số: 125/2018/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo sau đây:

1. *Họ và tên:* Quàng Văn T, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: Bản N, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; Chức vụ, đảng, đoàn thể: Không; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; con ông: Quàng Văn P; còn bà: Quàng Thị H; vợ: Lò Thị L; con có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; tiền án; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Họ và tên:* Quàng Văn H, sinh năm 1992; nơi ĐKKHKT: Bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; Chức vụ, đảng, đoàn thể: Không; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 5/12; con ông: Quàng Văn P; còn bà: Lò Thị M; vợ: Lò Thị H; có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; tiền án; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Quàng Văn Q, sinh năm 1989. Trú tại: Bản N, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 30' ngày 24 tháng 4 năm 2018, Tổ công tác Công an huyện S phối hợp với Ban công an xã M, huyện S làm nhiệm vụ tại bản Bua X, xã M đã phát hiện bắt quả tang Quảng Văn T và Quảng Văn H có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ tại lòng bàn tay trái của H 01 gói nilon màu hồng bên trong chứa 31 viên nén hình tròn màu hồng và 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa 04 viên nén hình tròn màu hồng - theo H và T khai nhận là Hồng phiến. Ngoài ra còn tạm giữ của H số tiền 1.000.000VNĐ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Wiko; tạm giữ của Toạ 01 xe mô tô Yamaha Sirius BKS 26B1-308.46.

Ngày 27/4/2018, tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành cân tịnh, xác định khối lượng vật chứng và trích mẫu giám định, kết quả:

- 31 viên nén hình tròn màu hồng chứa trong túi nilon màu hồng có tổng khối lượng 2,99 gam, đã sử dụng 05 viên có khối lượng 0,48 gam làm mẫu giám định ký hiệu T1; 26 viên còn lại có tổng khối lượng 2,51 gam ký hiệu T2.

- 04 viên nén hình tròn màu hồng chứa trong túi nilon màu trắng có tổng khối lượng 0,36 gam, đã sử dụng hết làm mẫu giám định ký hiệu T3.

Tại kết luận giám định số 555/KLMT ngày 06/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu T1, T3 là chất ma túy, loại chất Methamphetamine; khối lượng mẫu giám định là T1= 0,48 gam; T3=0,36 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 3,35 gam loại chất Methamphetamine.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, nên khoảng 04h ngày 24/4/2018 Quảng Văn T đi xe mô tô từ nhà huyện T sang bản N, xã M, huyện S, cùng tỉnh Sơn La đến nhà Quảng Văn H, mục đích tìm mua cây hoa hồng về bán. Khoảng 06h cùng ngày T đến bản N gặp được H. Sau khi ăn sáng xong, T rủ H lên bản người Mông khu vực bản B, xã M để tìm mua cây hoa hồng, thì được H đồng ý. H điều khiển xe chở T đi đến bản nhưng mọi người đều đi làm vắng nên không mua được gì. Lúc này, T hỏi H có chỗ nào mua được Heroin và Hồng phiến không, H trả lời là có. Sau đó H chở T lên khe suối thuộc bản B, T xuống xe rồi lấy tiền đưa cho H 1.600.000VNĐ và bảo H mua 400.000 hồng phiến, còn 1.200.000 mua Heroin. H cầm tiền bảo T ngồi chờ, còn H một mình đi xe lên đường tuần tra biên giới mua được 37 viên hồng phiến với giá 600.000VNĐ của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết, sau đó quay về chỗ T. Gặp T, H lấy ra 06 viên hồng cùng T sử dụng bằng đốt hít, sử dụng hết 02 viên thì H nói có việc nên gói 04 viên còn lại vào mảnh giấy nilon màu trắng rồi cầm tất số ma túy vừa mua được điều khiển xe chở T đi về, đến bản B, xã M thì bị tổ công tác phát hiện bắt quả tang.

Cáo trạng số: 80/CT-VKSSM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố Quảng Văn T và Quảng Văn H về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Quảng Văn T 40 đến 46 tháng tù; Quảng Văn H từ 36 đến 40 tháng tù. Tịch thu tiêu huỷ 2,51 gam ma túy còn lại; tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1.000.000VNĐ tạm giữ của Quảng Văn H; trả lại cho các bị cáo điện thoại di động; trả lại cho Quảng Văn T 01 xe mô tô bị tạm giữ. Xét hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Riêng bị cáo Quảng Văn H có chứng nhận hộ nghèo nên cần xét miễn án phí.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện, chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo cùng các chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình; lời khai nhận hoàn toàn thống nhất với lời khai tại cơ quan Điều tra; phù hợp với nội dung, tội danh bản Cáo trạng; lời khai nhận của bị cáo cũng phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới, các bị cáo hoàn toàn nhất trí và không có tranh luận với Kiểm sát viên, ý kiến cuối cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

[3] Các bị cáo đều là những người nghiện ma túy, số ma túy bị thu giữ có khối lượng đáng kể (nhiều) 3,35 gam Methamphetamine.

Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận: Quảng Văn T và Quảng Văn H phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, Khởi tố của cơ quan Điều tra và Truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy; gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây bức xúc trong nhân dân. Các bị cáo tuổi đời đều còn trẻ, vì ham chơi đua đòi nên dẫn đến phạm tội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi Tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Vì vậy, cần thiết phải xử lý bị cáo nghiêm khắc, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét vai trò thì bị cáo Quàng Văn T giữ vai trò chính, bị cáo Quàng Văn H giữ vai trò giúp sức. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, nhằm có mức án tương xứng, phù hợp.

[6] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; đều chưa có tiền án, tiền sự; tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được pháp luật quy định cần áp dụng cho các bị cáo được hưởng.

[7] Về số ma túy thu giữ được trong vụ án: Bị cáo H khai mua được của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết, nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để mở rộng vụ án là phù hợp, cần chấp nhận.

[8] Đối với chiếc xe mô tô tạm giữ của bị cáo T xác định được là tài sản hợp pháp của ông Quàng Văn Q, khi T mượn ông Q không biết việc bị cáo mang đi phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[9] Vật chứng vụ án còn lại: 2,51 gam Methamphetamine là vật cấm lưu hành cần tịch thu để tiêu hủy; 02 điện thoại là vật không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại; đối với số tiền 1.000.000VNĐ tạm giữ của Quàng Văn H là tiền của Quàng Văn T nhờ mua hộ ma túy. Xác định số tiền này là sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[10] Xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) cho bị cáo. Đặc biệt bị cáo H có giấy chứng nhận hộ nghèo nên sẽ được xem xét miễn án phí.

[11] Bị cáo Quàng Văn T phải chịu án phí theo quy định chung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Quàng Văn T, Quàng Văn H phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Quàng Văn T 40 (*Bốn mươi*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày (24/4/2018).

- Xử phạt: Quàng Văn H 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày (24/4/2018).

2. Vật chứng: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 (một) phong bì do Bưu điện Việt Nam phát hành. Mặt trước phong bì có ghi: Vật chứng vụ: Quàng Văn T SN 1991. Chỗ ở: bản N, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La. Hành vi: Cùng đồng phạm cất giấu trái phép chất ma túy. T2=2,51 gam Hồng phiến; 01 phong bì niêm phong ban đầu; 01

mảnh giấy nilon màu hồng và 01 mảnh giấy nilon màu trắng. Mặt sau sau phong bì trên giấy trắng niêm phong có ghi dòng chữ: "*Cơ quan CSĐT - Công an huyện S, ngày 27/4/2018*" và vân tay, chữ ký của thành phần tham gia niêm phong cùng 02 (hai) hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT - Công an huyện S.

- Trả lại cho ông Quàng Văn Q: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS RC, màu vàng - đen, có số khung: 629140; số máy: 629117, BKS 26B1-308.46, không có gương chiếu hậu, xe đã qua sử dụng, cùng chìa khoá xe;

- Trả lại cho bị cáo Quàng Văn H: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Wiko, màu xanh-trắng, có số Imei 1:351578070050901; số Imei 2: 351578070151105, điện thoại bị vỡ màn hình và đã cũ nát;

- Trả lại cho bị cáo Quàng Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Naxim, màu đen - trắng, có số Imei: 352936067002971, điện thoại bị vỡ ốp lưng sau lưng và đã cũ nát;

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 1.000.000 đồng (một triệu) có số mã hiệu, mệnh giá như đã mô tả trong bảng kê tiền.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/7/2018 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện S và Công an huyện S tỉnh Sơn La).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ Điều 12, các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Bị cáo Quàng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; bị cáo Quàng Văn H được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

-Toà án tỉnh;
-VKS huyện;
-Thị hành án hình sự;
-Thị hành án dân sự;
-Bị cáo;
-Sở tư pháp tỉnh;
-Lưu HS;
-Lưu VP.

Lường Văn Quyết